

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 02-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc

2. Mai Trần Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lê Xuân Hồng Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị G, sinh năm 1987.

Địa chỉ: S1/16, tổ 17, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: số 20, tổ 13, ấp D, xã E, thành phố F, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Bảo G, sinh năm 1989

Địa chỉ: S1/16, tổ 17, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2018 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Chị Phan Thị G (nguyên đơn) trình bày:

Chị và Anh Trần Bảo G chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2010 tại UBND xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Anh G đi chơi không về nhà, đi khoảng 1, 2 tháng mới về nhà một lần khoảng một tuần lại đi nữa, chị thấy Anh G ở

nhà không có phương tiện đi lại nên có mua cho Anh G xe moto để đi lại thì Anh G lấy xe bỏ đi, bán xe lấy tiền ăn xài hết mới chịu về nhà. Anh G về năn nỉ chị mua xe khác để đi làm ăn, khi nào có tiền trả cho chị nên tiếp tục mua xe cho Anh G và Anh G tiếp tục bán xe để ăn xài, chị mua cho Anh G tất cả 5 chiếc xe máy nhưng Anh G đều bán.

Khi còn sống chung Anh G đi làm hồ còn chị làm xí nghiệp nhưng một tuần Anh G chỉ làm 2,3 ngày đủ ăn là Anh G nghỉ. Mỗi khi có tiền Anh G lại đi chơi đá gà, lắ tài xỉu, ở địa phương ai cũng biết Anh G thường xuyên chơi cờ bạc. Anh G đi làm về tiêu xài cá nhân chứ không đưa tiền cho chị lo cho gia đình, lương của chị làm được phải đem về lo cho gia đình. Ngày 22/4/2013 chị làm đơn xin ly hôn Anh G cam kết không thể xe máy cờ bạc nếu không sửa chữa chị làm đơn ly hôn Anh G đồng ý. Từ đó vợ chồng về chung sống hạnh phúc đến năm 2016 Anh G lại tiếp tục thể xe máy cờ bạc không quan tâm lo lắng cho vợ con. Chị có khuyên bảo Anh G nhiều lần nhưng Anh G không chịu nghe nên vợ chồng mâu thuẫn và chị bỏ về nhà mẹ ruột ở từ năm 2016 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu thành, tỉnh Tây Ninh xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với Anh G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Bá N, sinh ngày 11/5/2010. Chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu Anh G cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

Về án phí: Chị đồng ý chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ngày 11.6.2018 Chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không có ý kiến gì khác.

Bị đơn Anh Trần Bảo G vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 về án phí: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Phan Thị G và Anh Trần Bảo G. Về con chung: giao cháu Trần Bá N, sinh ngày 11/5/2010 cho Chị G nuôi dưỡng giáo dục, Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị G không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Phan Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Anh Trần Bảo G đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Chị G, Anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị G Anh G chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn 08/4/2010 tại UBND xã Đồng Khởi, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị G xác định chị và Anh G sống chung hạnh phúc đến tháng 4 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn chị làm đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn với Anh G, nhưng Anh G cam kết sửa chữa chị đồng ý rút đơn khởi kiện nhưng về chung sống hạnh phúc đến năm 2016 mâu thuẫn trầm trọng và ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay.

Bị đơn Anh G vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa họp lệ.

Qua làm việc chính quyền địa phương và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị G, Anh G thì Anh G đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của Chị G, Anh G lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly

hôn của Chị G xử cho Chị G và Anh G được ly hôn là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình công bố năm 2014.

[4] Về con chung: Chị G yêu cầu nuôi cháu Trần Bá N, sinh ngày 11/5/2010, không yêu cầu Anh G cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét về con chung: Từ ngày ly thân đến nay Chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N ổn định và vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con; hơn nữa qua hỏi ý kiến của cháu N nguyện vọng của cháu muốn sống chung với Chị G nên giao cháu N cho Chị G nuôi để thuận lợi trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển toàn diện nhân cách đảm bảo quyền lợi và lợi ích tốt nhất cho cháu N. Anh G không sát sao trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên việc giao con chung cho Chị G trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với các Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con do Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7] Nợ chung: Chị G khai không có.

[8] Về án phí: Chị G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Anh G không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014; Căn cứ điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của Chị Phan Thị G, xử cho Chị Phan Thị G và Anh Trần Bảo G được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bá N, sinh ngày 11/5/2010, cho Chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị G không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị G khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị G khai không có.

5. Về án phí: Chị Phan Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018952 ngày 23/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị G đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Bảo G không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu: HS, QĐ, Tập án ;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện ĐKKH

(Đã ký)

Phan Thị Hương